

Bản án số: 202/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2024
V/v: “Ly hôn giữa anh D và chị T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02-8-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn D**, sinh năm 1999. Địa chỉ: **Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.**

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 2001. Địa chỉ: **Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.**

(Anh **D**, chị **T** vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11-6-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Đỗ Văn D** trình bày:

Anh **Đỗ Văn D** và chị **Nguyễn Thị T** đăng ký kết hôn ngày 29-09-2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh **D** ở xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc. **Anh D**, chị **T** đã ly

thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh **D1** đề nghị được ly hôn với chị **T**.

Về con chung, tài sản: Anh Dũng và chị **T** không có con chung, không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên anh **D1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02-8-2024, bị đơn chị **Nguyễn Thị T** có lời khai phù hợp với lời khai của anh **D1** về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Do tình cảm giữa chị **T** và anh **D1** không còn nên chị **T** nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh **D1**.

Về con chung, tài sản: Chị **T** xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh **Đỗ Văn D** và chị **Nguyễn Thị T** đều đều xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **D**, chị **T** theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh **Đỗ Văn D** và chị **Nguyễn Thị T** là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **H**, tỉnh **Nam Định** đăng ký kết hôn ngày 29-09-2020.

Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp nên anh **D** và chị **T** thường xuyên mâu thuẫn. Anh **D1**, chị **T** đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù đã được đôi bên gia đình hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng không thể đoàn tụ. Nay anh **D1**, chị **T** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **D1** và chị **T** đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh **D1**, chị **T**, cho ly hôn giữa anh **D1**, chị **T** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản: Anh Dũng và chị **T** đều xác định vợ chồng không có con con chung, không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản. Do anh **D1**, chị **T** không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Đỗ Văn D** phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Đỗ Văn D** và chị **Nguyễn Thị T**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh **Đỗ Văn D** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0003215 ngày 17-06-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh **Đỗ Văn D** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

